TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2021
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1979; thường trú: Số 89/13, khu phố B, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1978; thường trú: Số 89/13, khu phố B, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: Số 6, Hồ Đắc Di, **khu phố B1, phường B**, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Đặng Ngọc T sau thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2000 ngày 08/11/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống chung không được cải thiện. Nay, chị Nguyễn Thị Thu T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Ngọc T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/02/2004 và cháu Đặng Nguyễn Gia K, sinh ngày 22/12/2015. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Nguyễn Thị Thu T1. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Đặng Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Nguyễn Thị Thu T1 đang kinh doanh tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 35.000.000 đồng, anh Đặng Ngọc T lao động tự do, thu nhập bao nhiêu chị Nguyễn Thị Thu T1 không rõ.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Ngọc T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho anh Đặng Ngọc T nhưng anh Đặng Ngọc T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Đặng Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Đặng Ngọc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2000 ngày 08/11/2002 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Thu T1 cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng tình cảm không được cải thiện. Nay, chị Nguyễn Thị Thu T1 xác định tình cảm dành cho anh Đặng Ngọc T không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Đặng Ngọc T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đặng Ngọc T không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Đặng Ngọc T có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/02/2004 và cháu

Đặng Nguyễn Gia K, sinh ngày 22/12/2015. Chị Nguyễn Thị Thu T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh Đặng Ngọc T không có ý kiến đối với vấn đề nuôi con chung. Xét thấy cháu Đặng Nguyễn Thảo P là con gái, có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu Đặng Nguyễn Gia K còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ và hiện nay Nguyễn Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị Nguyễn Thị Thu T1 là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Đặng Nguyễn Thảo P và cháu Đặng Nguyễn Gia K cho chị Nguyễn Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T1 không yêu cầu anh Đặng Ngọc T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh Đặng Ngọc T có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1 với anh Đặng Ngọc T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T1 được ly hôn với anh Đặng Ngọc T (Giấy chứng nhận kết hôn số số 161, quyển số 01/2000 ngày 08/11/2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B1 cấp ngày 08/11/2002)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Đặng Nguyễn Thảo P, sinh ngày 24/02/2004 và cháu Đặng Nguyễn Gia K, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Đặng Ngọc T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu T1 về việc không yêu cầu anh Đặng Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049636 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Chị Nguyễn Thị Thu T1 đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên